

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH HẬU GIANG**

Số: 29/2024/QĐST- DS.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Châu Thành, ngày 06 tháng 9 năm 2024.

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 29 tháng 8 năm 2024 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 09/2024/TLST-DS ngày 11 tháng 01 năm 2024.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị B, sinh năm: 1956.

Địa chỉ: Ấp Đông Mỹ, thị trấn Ngã Sáu, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Võ Minh T, sinh năm: 1993. Địa chỉ: Ấp 5, xã Hòa An, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang. Văn bản uỷ quyền số công chứng: 1540, quyển số 01/2023 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 29/8/2023.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Hoàng M, sinh năm: 1964.

Địa chỉ: Ấp Đông Mỹ, thị trấn Ngã Sáu, huyện Châu thành, tỉnh Hậu Giang.

Địa chỉ hiện nay: Ấp Hẻm Công Đoàn, phường 3, TP.Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện theo uỷ quyền: ông Nguyễn Văn T, sinh năm: 1973. Địa chỉ: Ấp Đông Mỹ, thị trấn Ngã Sáu, huyện Châu thành, tỉnh Hậu Giang. Văn bản uỷ quyền số công chứng: 391, quyển số 01/2024 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 17/01/2024.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1/ Ông Nguyễn Văn H, sinh năm: 1962.

Địa chỉ: Ấp Phước Thuận, thị trấn Ngã Sáu, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.

2/ Ông Nguyễn Văn C, sinh năm: 1961.

Địa chỉ: 229A khu vực Phú Mỹ, phường Thường Thạnh, quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ.

3/ Ông Nguyễn Văn N, sinh năm: 1958.

4/ Ông Nguyễn Văn T, sinh năm: 1973.

5/ Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1973.

6/ Bà Nguyễn Thị Thùy T, sinh năm 1990.

7/ Ông Nguyễn Quốc P, sinh năm 1996.

Cùng địa chỉ: Ấp Đông Mỹ, thị trấn Ngã Sáu, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.

8/ Bà Ngô Thị V, sinh năm: 1951.

Địa chỉ: Ấp Đông Bình, xã Đông Phước, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.

9/ Bà Nguyễn Thị Tuyết N, sinh năm: 1970.

Địa chỉ: Ấp Phú Tân, xã Phú Tân, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.

10/ Bà Nguyễn Thị Ánh T, sinh năm: 1973.

Địa chỉ: Ấp Đông Lợi A, xã Đông Phước, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.

11/ Bà Nguyễn Thị Mỹ T, sinh năm: 1979.

Địa chỉ: Ấp Đông Lợi B, xã Đông Phước, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.

12/ Bà Nguyễn Thị Kim T, sinh năm: 1981.

Địa chỉ: Ấp Phú Lễ A, xã Phú Tân, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.

13/ Bà Nguyễn Thị Cẩm L, sinh năm: 1986.

Địa chỉ: Ấp Phước Thuận, thị trấn Ngã Sáu, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.

14/ Ông Nguyễn Quốc C, sinh năm: 1976.

Địa chỉ: Ấp Đông Bình, xã Đông Phước, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.

15/ Bà Nguyễn Thị Mỹ T, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Ấp Phước Thuận, thị trấn Ngã Sáu, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.

16/ Bà Ngô Thị H, sinh năm: 1966.

17/ Ông Nguyễn Tuấn V, sinh năm: 1994.

18/ Bà Nguyễn Thị Lệ T, sinh năm: 2002.

19/ Ông Nguyễn Văn Ú, sinh năm: 1953.

20/ Bà Nguyễn Thị Kim A, sinh năm: 1978.

21/ Bà Nguyễn Thị Kim N, sinh năm: 1992.

22/ Ông Nguyễn Hoàng T, sinh năm: 1999.

Cùng địa chỉ: Ấp Đông Mỹ, thị trấn Ngã Sáu, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Các đương sự thống nhất ông Nguyễn Văn T được quyền sử dụng phần đất theo đo đạc thực tế tại vị trí II, IIa có diện tích $195.1m^2$ theo mảnh trích đo địa chính số 49/2024 ngày 14/6/2024 của công ty trách nhiệm hữu hạn đo đạc bản đồ Tín Phát.

2.2. Các đương sự thống nhất bà Nguyễn Thị B được quyền sử dụng phần đất theo đo đạc thực tế tại vị trí I, Ia có diện tích $218.9m^2$, vị trí III có diện tích $204.2m^2$, vị trí IV có diện tích $344.0m^2$ theo mảnh trích đo địa chính số 49/2024 ngày 14/6/2024 của công ty trách nhiệm hữu hạn đo đạc bản đồ Tín Phát.

2.3. Ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị B được quyền liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật (có kèm theo hồ sơ kỹ thuật). Bà Nguyễn Thị B có nghĩa vụ giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 000047 cấp ngày 26/10/1992 cấp cho ông Nguyễn Văn Út, đến ngày 20/7/2009 để thừa kế lại cho bà Đỗ Thị N, khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền yêu cầu.

2.4. Phần di sản chia thừa kế tại vị trí III có diện tích $127.7m^2$ (trong tổng diện tích $204.2m^2$), vị trí IV có diện tích $344.0m^2$ theo mảnh trích đo địa chính số 49/2024 ngày 14/6/2024 của công ty trách nhiệm hữu hạn đo đạc bản đồ Tín Phát, có giá là 335.000 đồng trên một mét vuông. Tổng giá trị là 158.019.500 đồng (một trăm năm mươi tám triệu không trăm mười chín ngàn năm trăm đồng) chia đều cho 08 người con của ông Nguyễn Văn Ú (chết năm 2009) và bà Đỗ Thị N (chết năm 2012), (1) là Nguyễn Văn L (chết năm 1991) có vợ là Ngô Thị V, con là Nguyễn Thị Tuyết N, Nguyễn Thị Ánh T, Nguyễn Thị Mỹ T, Nguyễn Thị Kim T, Nguyễn Thị Cẩm L, Nguyễn Quốc C, Nguyễn Thị Mỹ T, (2) Nguyễn Thị B, (3) Nguyễn Văn N, (4) Nguyễn Văn H, (5) Nguyễn Văn C, (6) Nguyễn Hoàng M, (7) Nguyễn Văn T, (8) Nguyễn Văn E (chết năm 2017) có vợ là Nguyễn Thị T, con là Nguyễn Quốc P, Nguyễn Thị Thùy T, mỗi người được nhận 19.752.437 đồng (mười chín triệu bảy trăm năm mươi hai ngàn bốn trăm ba mươi bảy đồng). Như vậy bà Nguyễn Thị B có nghĩa vụ giao lại cho các đồng thừa kế nêu trên mỗi người 19.752.437 đồng (mười chín triệu bảy trăm năm mươi hai ngàn bốn trăm ba mươi bảy đồng). Nhưng Các đồng thừa kế thống nhất không nhận số tiền này từ bà Nguyễn Thị B, giao lại cho bà Nguyễn Thị B nhận 158.019.500 đồng (một trăm năm mươi tám triệu không trăm mười chín ngàn năm trăm đồng), bà Nguyễn Thị B có

nghĩa vụ làm lại mồ mà và nhà mồ cho khu mộ gia đình, trong tổng số tiền 158.019.500 đồng (một trăm năm mươi tám triệu không trăm mười chín ngàn năm trăm đồng).

2.5. Về án phí dân sự sơ thẩm bà Nguyễn Thị B tự nguyện chịu toàn bộ kể cả phần của ông Nguyễn Văn T tổng là 25.565.000 đồng (hai mươi lăm triệu năm trăm sáu mươi lăm ngàn đồng), được khấu trừ 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0002810 ngày 11/01/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang. Như vậy bà Nguyễn Thị B phải nộp 25.265.000 đồng (hai mươi lăm triệu hai trăm sáu mươi lăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.

Chi phí thẩm định, định giá 13.700.000 đồng (mười ba triệu bảy trăm ngàn đồng) bà Nguyễn Thị B tự nguyện chịu bà Nguyễn Thị B đã nộp xong, không phải nộp thêm.

2. 6. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị B đối với phần đất tại thửa đất số 983, tờ bản đồ số 08 phần đất do ông Nguyễn Văn N đang quản lý sử dụng. Đương sự được nhận lại tài liệu chứng cứ khi có yêu cầu. Đương sự có quyền khởi kiện lại theo quy định tại khoản 1 Điều 218, khoản 3 Điều 192, điểm c khoản 1 Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thanh Nhân